**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

Tháng 3 năm 2013

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
|  | TRANG |
|  |  |
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 2 |
|  |  |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN | 3 |
|  |  |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 4 - 5 |
|  |  |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6 |
|  |  |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 7 |
|  |  |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 8 - 23 |
|  |  |

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hội đồng Quản trị** |  |
| Ông Dư Văn Hải | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Anh Nghĩa | Ủy viên |
| Ông Mai Hồng Hải | Ủy viên |
| Ông Phạm Văn Hùng | Ủy viên |
| Ông Trần Vinh Quang | Ủy viên |
|  |  |
| **Ban Giám đốc** |  |
| Ông Dư Văn Hải | Giám đốc |
| Ông Nguyễn Anh Nghĩa | Phó Giám đốc |
| Ông Hồng Anh Việt | Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2012) |

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

* Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
* Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
* Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
* Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
* Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

|  |
| --- |
| Dư Văn Hải **Giám đốc**  *Ngày 18 tháng 03 năm 2013* |

## Số: 3140/2013/BCKT-IFC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**của Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng**

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 18 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 4 đến trang 23 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **Khúc Đình Dũng**  **Tổng Giám đốc**  Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV |  | **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **Nguyễn Thị Thanh Hoa**  **Kiểm toán viên**  Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1402/KTV |
| *Hà Nội,ngày 18 tháng 03 năm 2013* | | |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

****

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Dư Văn Hải**  **Giám đốc**  *Ngày 18 tháng 03 năm 2013* |  | **Hoàng Kim Yến**  **Kế toán trưởng** |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND



|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Dư Văn Hải**  **Giám đốc**  *Ngày 18 tháng 03 năm 2013* |  | **Hoàng Kim Yến**  **Kế toán trưởng** |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**(Theo phương pháp gián tiếp)**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND



|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Dư Văn Hải**  **Giám đốc**  *Ngày 18 tháng 03 năm 2013* |  | **Hoàng Kim Yến**  **Kế toán trưởng** |

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì Xi măng Hải Phòng (“Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập theo Quyết định số 1222/QĐ-BXD ngày 29 tháng 07 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển đổi Xí nghiệp Bao bì Xi măng thuộc Công ty Xi măng Hải Phòng - Tổng Công ty Xi măng Việt Nam thành công ty cổ phần. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 0203001018 ngày 21 tháng 09 năm 2004.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 19 tháng 04 năm 2011, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng với số vốn điều lệ là 30.120.400.000 đồng.

Toàn bộ cổ phần của Công ty đang được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội với mã chứng khoán là BXH.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 256 người (năm 2011 là 289 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh sản xuất, kinh doanh vỏ bao bì xi măng và các loại vỏ bao bì khác; sản xuất nguyên vật liệu cho ngành sản xuất bao bì; xuất nhập khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu cho ngành sản xuất bao bì; cho thuê văn phòng, kho, bến bãi và kinh doanh các ngành nghề theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh vỏ bao bì xi măng; xuất nhập khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu cho ngành sản xuất bao bì; cho thuê văn phòng, kho, bến, bãi.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Những nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

# 3. Áp DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

# 

# Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay .

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2011/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty phản ánh toàn bộ chi phí nguyên vật liệu chính tiêu hao cho số lượng bán thành phẩm từng giai đoạn.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định được chuyển giao từ Xí nghiệp Bao bì Xi măng Hải Phòng - Công ty Xi măng Hải Phòng sang Công ty Cổ phần Bao bì Xi măng Hải Phòng khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá, nguyên giá và hao mòn luỹ kế được đánh giá lại theo Quyết định số 866/QĐ-BXD ngày 02 tháng 06 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về viêc phê duyệt giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hoá.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Số năm

|  |  |
| --- | --- |
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5-27 |
| Máy móc và thiết bị | 6-14 |
| Thiết bị văn phòng | 7-10 |
| Phương tiện vận tải | 5-15 |
| Tài sản cố định khác | 5-10 |

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trích khấu hao với thời gian là 05 (năm) năm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh của các năm trước (nếu có).

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
4. Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
2. (Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

1. **THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**
   1. **Tiền**

****

* 1. **Phải thu khách hàng**

****

* 1. **Hàng tồn kho**

****

**5.4 Tài sản cố định hữu hình**

****

Như trình bày tại thuyết minh số 5.6 - Vay và nợ ngắn hạn và thuyết minh số 5.10 - Vay và nợ dài hạn. Công ty đã thế chấp toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 6.467.569.494 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 7.065.473.377 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 64.109.575.757 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 10.975.626.358 đồng).

**5.5 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

****

**5.6 Vay và nợ ngắn hạn**

****

(\*) là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hồng Bàng theo hợp đồng tín dụng số 01/HM/2012 ngày 21 tháng 04 năm 2012. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động. Số tiền vay tối đa là 30 tỷ đồng, lãi suất cho vay thỏa thuận theo lãi suất thả nổi, định kỳ 01 tháng xác định một lần. Thời hạn duy trì hạn mức là 1 năm, thời hạn vay cụ thể của từng lần giải ngân sẽ được xác định trên từng giấy nhận nợ và không quá 5 tháng. Khoản vay trên được đảm bảo bằng toàn bộ vật kiến trúc hiện có trên đất và toàn bộ máy móc thiết thuộc dây chuyền sản xuất vỏ bao công suất từ 25 triệu vỏ bao/năm. Tổng giả trị tài sản thế chấp theo Biên bản định giá tài sản thế chấp là 18.772 triệu đồng.

**5.7 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

****

**5.8 Chi phí phải trả**

****

**5.9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

****

**5.10 Vay và nợ dài hạn**

****

Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hồng Bàng theo Hợp đồng tín dụng số 01/HCPC - TH/2010 ngày 01 tháng 04 năm 2010. Mục đích vay để chi phí đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng công trình, dây chuyền mở rộng nhà máy sản xuất bao bì xi măng Hải Phòng công suất 25 triệu vỏ bao/năm” tại số 03 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng. Số tiền vay tối đa là 10 tỷ đồng, lãi suất cho vay thỏa thuận theo lãi suất thả nổi, định kỳ 03 tháng xác định một lần, bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày xác định lãi. Thời hạn cho vay là 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay trên được đảm bảo bằng toàn bộ vật kiến trúc hiện có trên đất và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án “Đầu tư xây dựng công trình, dây chuyền mở rộng nhà máy sản xuất bao bì xi măng Hải Phòng nâng công suất từ 25 triệu vỏ bao/năm lên 50 triệu vỏ bao/năm” tại số 03 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng. Tổng giả trị tài sản thế chấp theo Biên bản định giá tài sản thế chấp ngày 16 tháng 03 năm 2010 đã ký giữa hai bên là 27.469.199.000 đồng.

Khoản vay trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:

****

**5.11 Vốn chủ sở hữu**

***a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***



(\*) Tạm trích các quỹ và cổ tức phải trả cho các cổ đông theo tỷ lệ 8% theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 114/HVPC-HDQT ngày 20 tháng 2 năm 2013

(\*\*) Trong năm Công ty có bổ sung vốn khác của chủ sở hữu từ nguồn quỹ đầu tư phát triển theo Quyết định số 92/HPVC - HĐQT ngày 21 tháng 03 năm 2012 về việc phê duyệt quyết toán giai đoạn I Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền mở rộng nhà máy sản xuất bao bì xi măng Hải Phòng công suất 25 triệu vỏ bao/năm.

Trong tổng số vốn khác của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 1.248.000.890 đồng là quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

**5.11 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 19 tháng 04 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 30.120.400.000 đồng, cơ cấu như sau:



**c. Cổ phiếu**



**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

* 1. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**



* 1. **Giá vốn hàng bán**

****

* 1. **Doanh thu hoạt động tài chính**

****

* 1. **Chi phí tài chính**

****

* 1. **Lợi nhuận khác**

****

**6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

****

**6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

****

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

****

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.6 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

**7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**



Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ  chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa  rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

****

**7.2 Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan**

***Trong năm, Công ty đã có giao dịch với Công ty TNHH MTV Vicem Hải Phòng (Thành viên trong Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam) như sau:***

****

***Số dư với bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ như sau:***

****

****

***Thu nhập của Ban Giám đốc***

****

**7.3 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu là xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

**7.4 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Dư Văn Hải**  **Giám đốc**  *Ngày 18 tháng 03 năm 2013* |  | **Hoàng Kim Yến**  **Kế toán trưởng** |